| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2019/HS-PT
Ngày 04-01-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thanh Sơn.
*Các Thẩm phán:* Ông Ma Hồng Thắng;
Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Đặng Văn Đ**, sinh năm 1988 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Xóm 11, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1961 và bà Lý Thị N, sinh năm 1959; có vợ Đặng Thị T, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa).*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian đầu tháng 12 năm 2017, Đặng Văn Đ trú tại xóm 11,

xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vào khu vực rừng phòng hộ thuộc xóm H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và rừng sản xuất, thuộc xóm 11, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang dùng dao (loại dao quắm) và máy cắt cỏ cắt một số cây lau và cỏ dại trong 02 ngày và nhờ Đặng Văn Đ2 trú tại xóm 11, xã L, huyện Y dùng dao và máy cắt cỏ cắt lau và cỏ dại trên diện tích rừng sản xuất. Sau đó Đ thuê Tướng Thị L, La Thị L1, La Thị C, Tướng Thị M, Trần Thị N cùng trú tại xóm 15, xã L, huyện Y và Lưu Thị T, Đặng Thị S cùng trú tại xóm 14, xã L, huyện Y thay nhau dùng dao quắm chặt, phát trong 06 ngày (L phát 06 ngày; L1, C, M phát 05 ngày; N, T, S phát 02 ngày) và trả tiền công mỗi người 160.000đồng/01 ngày. Đ cũng tham gia trực tiếp cùng các đối tượng trên chặt, phát rừng. Thực bì gồm cây nứa và cây gỗ nhỏ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường xác định diện tích rừng bị chặt phá thuộc xóm H, xã C, huyện Y là 14.150$m^2$ rừng phòng hộ tại lô 29+32-HG2, khoảnh 417 và 21.470$m^2$ rừng phòng hộ tại Lô 18+26+HG2, khoảnh 417. Tại xóm 11, xã L, huyện Y diện tích bị chặt phá là 17.300$m^2$, đối tượng rừng sản xuất tại lô 163+164+165, khoảnh 393. Lâm sản thiệt hại gồm 207.589 cây nứa, củi 23,465$m^3$.

Quá trình điều tra xác định diện tích rừng Đặng Văn Đ chặt phá và thuê người chặt phá là 4.583,1$m^2$ rừng phòng hộ tại lô 18HG2, khoảnh 417 thuộc khu vực rừng N thuộc xóm H, xã C, huyện Y, do Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y quản lý *(theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng)* và 2.846,37$m^2$ rừng sản xuất tại lô 163+164+165, khoảnh 393, thuộc xóm 11, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang *(theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng).* Lâm sản thiệt hại gồm: 22.350 cây nứa đường kính gốc trung bình 4cm đến 5cm, củi 3,134$m^3$.

Diện tích rừng các đối tượng Tướng Thị M, Tướng Thị L chặt phá là 2.598$m^2$ rừng phòng hộ tại lô 18HG2, khoảnh 417 và 1.410,49$m^2$ rừng sản xuất, tại lô 163+164+165, khoảnh 393. Lưu Thị T chặt phá 74,85$m^2$ rừng phòng hộ tại lô 18HG2, khoảnh 417 và 1.410,49$m^2$ rừng sản xuất, tại lô 163+164+165, khoảnh 393. Trần Thị N, La Thị C chặt phá 1.075,88$m^2$ rừng sản xuất tại lô 164-RTG, khoảnh 393. La Thị L1, Đặng Thị S chặt phá 1.410,49$m^2$ rừng sản xuất tại lô 163+164+165, khoảnh 393. Đặng Văn Đ2 chặt phá 1.192,7$m^2$ rừng sản xuất tại lô 163+164+165RTG, khoảnh 393.

Tại kết luận định giá tài sản số 36 ngày 05/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Cây nứa có giá 367đồng/cây x 207.589 cây = 76.185.163 đồng; Củi 300.000đồng/$m^3$ x 23,465$m^3$ = 7.039.500đồng. Tổng giá trị là: 83.224.663đồng *(Tám mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng)*.

Như vậy trị giá lâm sản thiệt hại trên diện tích rừng Đ chặt phá là: 22.350 cây nứa x 367đồng/cây = 8.202.450đồng; Củi 3,134$m^3$ x 300.000đồng/$m^3$ = 940.200đồng. Tổng giá trị là 9.142.650đồng *(Chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng)*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội Huỷ hoại rừng;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, bị cáo Đặng Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội "Huỷ hoại rừng" là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định phát rừng mục đích để trồng cây keo nhằm phát triển kinh tế gia đình, không có mục đích hủy hoại rừng; bị cáo xuất trình tài liệu đã nộp khoản tiền bồi thường cho Uỷ ban nhân dân xã C số tiền 4.158.000đ và Uỷ ban nhân dân xã L số tiền 4.984.000đ và đơn xin hưởng án treo có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Y. Xét hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Căn cứ khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách

04 năm. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo, trả lại cho bị cáo số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo đã nộp. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Văn Đ nhất trí luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận. Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, bị cáo xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn Đ tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian giữa tháng 12 năm 2017, tại lô 18HG2, khoảnh 417, đối tượng rừng phòng hộ, thuộc khu vực N, xóm H, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và lô 163+164+165, khoảnh 393, đối tượng rừng sản xuất, thuộc xóm 11, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đặng Văn Đ trú tại xóm 11, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, đã có hành vi hủy hoại 4.583,1$m^2$ rừng phòng hộ, 2.846,37$m^2$ rừng sản xuất. Trị giá lâm sản bị thiệt hại là 9.142.650đồng *(Chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng)*.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý chung của xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái rừng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết mới: Biên lai thu tiền bồi thường và tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xác nhận bị cáo thuộc hộ cận nghèo; đơn xin hưởng án treo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Xét, nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Do nhận thức hạn chế về pháp luật và các quy định của Nhà nước về

bảo vệ rừng phòng hộ, bị cáo đã thuê người phát rừng nhưng không biết đó là rừng phòng hộ, để trồng cây keo mục đích phát triển kinh tế gia đình, không có mục đích hủy hoại rừng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng do vậy thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ để răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[4] Ghi nhận bị cáo Đặng Văn Đ đã bồi thường xong khoản tiền 9.142.650 đồng *(Chín triệu một trăm bốn hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*, tại biên lai thu tiền số 0000330 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đối với khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự nhưng cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu là không đúng. Do vậy cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, miễn toàn bộ số tiền 457.130 đồng *(Bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm ba mươi đồng),* số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo đã nộp cần trả lại cho bị cáo Đặng Văn Độ.

[5] Bị cáo Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn Độ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 66/2018/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ **02** *(hai)* năm tù cho hưởng án treo về tội "Hủy hoại rừng", thời gian thử thách 04 *(bốn)* năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 04/01/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định

buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Đặng Văn Đ đã bồi thường xong khoản tiền 9.142.650đồng *(Chín triệu một trăm bốn hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*, tại biên lai thu tiền số 0000330 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Sửa phần án phí dân sự có giá ngạch như sau: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Đặng Văn Độ.

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn Đsố tiền 456.480 đồng *(Bốn trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng)* tại biên lai thu tiền số 0000330 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/01/2019).

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Thanh Sơn**